

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hoàng Xuân Thế

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
NÔNG THÔN HUYỆN BẮC BÈ TRONG THỜI KỲ
CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA**

Chuyên ngành: **Quản lý kinh tế**
Mã số: **60.34.01**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Thái Nguyên – 2012

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu của đề tài	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	2
4. Ý nghĩa khoa học của luận văn	2
5. Bố cục luận văn	3
Chương I - CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	4
1.1. Cơ sở khoa học về lao động và việc làm	4
1.1.1. Cơ sở lý luận về lao động, việc làm	4
1.1.2. Kinh nghiệm sử dụng lao động và tạo việc làm ở một số nước trên thế giới và Việt Nam	31
1.2. Phương pháp nghiên cứu	37
1.2.1. Phương pháp thu thập tài liệu	37
1.2.2. Phương pháp xử lý, tổng hợp số liệu	38
1.2.3. Phương pháp phân tích số liệu	38
1.2.4. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu	39
Chương II - THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM NÔNG THÔN HUYỆN BA BÈ	40
2.1. Đặc điểm chung của huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Cạn	40
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	40
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	45
2.2. Thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn	54
2.2.1. Khái quát về lao động và việc làm ở huyện Ba Bè	54
2.2.2. Thực trạng lao động, việc làm, đời sống của lao động nông thôn huyện Ba Bè	56
2.2.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của lao động nông thôn	65
2.2.4. Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong công tác giải quyết việc làm cho lao động nông thôn	69
2.2.5. Đánh giá hiệu quả giải quyết việc làm cho lao động nông thôn huyện Ba Bè	71
Chương III - GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN BA BÈ TRONG GIAI ĐOẠN CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA	75

3.1. Quan điểm, mục tiêu giải quyết việc làm cho lao động nông thôn	75
3.1.1. Quan điểm chủ yếu tạo việc làm cho lao động nông thôn trong giai đoạn CNH – HĐH	75
3.1.2. Mục tiêu về lao động và việc làm cho lao động nông thôn	76
3.2. Dự báo nguồn lao động và nhu cầu việc làm lao động nông thôn	76
3.3. Một số giải pháp cụ thể trong giải quyết việc làm cho lao động nông thôn	78
3.3.1. Giải pháp chung tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện Ba Bể	78
3.3.2. Giải pháp cụ thể tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện Ba Bể	79
KẾT LUẬN	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO	86
PHỤ LỤC	88

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc làm có vị trí hết sức quan trọng trong quá trình tồn tại và phát triển của mỗi địa phương, mỗi quốc gia, ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội. Giải quyết việc làm là vấn đề mang tính toàn cầu, là một thách thức lớn đối với các nền kinh tế. Đối với những nước đang phát triển, nơi nguồn lao động còn rất dồi dào và chủ yếu tập trung ở các vùng nông thôn thì tạo việc làm cho người lao động ở đó bao giờ cũng là mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ.

Hiện nay, lực lượng lao động của huyện Ba Bể có khoảng 171.897 trong độ tuổi lao động đang làm việc, chiếm 58,5% dân số toàn huyện. Hàng năm, khu vực này bổ sung khoảng gần 4.120 lao động/năm. Huyện Ba Bể vẫn là huyện thuần nông, nông nghiệp là một thế mạnh trong sản xuất trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất nông nghiệp thường mang tính thời vụ nên lao động ở khu vực nông thôn có nhiều thời gian rảnh rỗi, bên cạnh đó quá trình đô thị hóa đang phát triển, diện tích đất nông nghiệp có xu hướng thu hẹp. Điều này cho thấy tình trạng thiếu việc làm ở người lao động nông thôn là rất lớn và có xu hướng gia tăng theo thời gian. Với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội huyện Ba Bể đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ cho giai đoạn 2010 – 2015 là: Phần đầu đến năm 2015 giảm tỉ lệ hộ nghèo xuống dưới 15%; Hàng năm đào tạo lao động có tay nghề từ 150 – 200 người, giảm tỉ lệ lao động nông thôn xuống dưới 60%; Phần đầu mỗi năm có từ 160 người đi lao động xuất khẩu... Để đạt được mục tiêu này, trước hết cần làm rõ thực trạng lao động, thực trạng tạo việc làm cho lao động nông thôn trong thời gian qua, đồng thời chỉ ra những thách thức, giới hạn cũng như khả năng tạo việc làm ở nông thôn trong giai đoạn công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Đây cũng chính là mục đích để tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu: ***“Một số giải pháp tạo việc làm***

cho người lao động nông thôn huyện Ba Bể trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa”.

2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài

2.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng việc làm lao động nông thôn huyện Ba Bể; nghiên cứu khó khăn, thuận lợi của lực lượng lao động để từ đó đề xuất giải pháp chủ yếu nhằm tạo việc làm và nâng cao chất lượng lao động nông thôn huyện Ba Bể góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở khoa học về lao động, việc làm; thực tiễn vấn đề việc làm trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

- Phân tích, đánh giá thực trạng việc làm của lao động nông thôn trên địa bàn huyện Ba Bể.

- Đề ra định hướng và giải pháp nhằm tạo việc làm và nâng cao chất lượng lao động nông thôn trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Các vấn đề liên quan đến việc làm người lao động nông thôn huyện Ba Bể.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Nghiên cứu vấn đề về việc làm lao động nông thôn trên địa bàn huyện Ba Bể.

Phạm vi thời gian: Nghiên cứu số liệu giai đoạn 2007 – 2011.

4. Ý nghĩa khoa học của luận văn

Luận văn là công trình khóa học có ý nghĩa trong lý luận và thực tiễn, là tài liệu giúp huyện Ba Bể xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, thực hiện hiệu quả chương trình phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo. Luận văn nghiên cứu toàn diện về việc làm và lao động nông thôn trên

địa bàn huyện. Đề xuất giải pháp chủ yếu nhằm tạo việc làm cho lao động nông thôn phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa của huyện Ba Bể.

5. Bộ cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương I - CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chương II - THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM NÔNG THÔN HUYỆN BA BỂ

Chương III - GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN BA BỂ TRONG GIAI ĐOẠN CÔNG NGHIỆP HÓA – HIỆN ĐẠI HÓA

Chương I

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở khoa học về lao động và việc làm

1.1.1. Cơ sở lý luận về lao động, việc làm

1.1.1.1. Lao động và nguồn lao động

a. Lao động

Khái niệm về lao động có nhiều cách tiếp cận khác nhau nhưng suy cho cùng, lao động là hoạt động đặc thù của con người, phân biệt con người với động vật, xã hội loài người và xã hội loài vật, bởi vì: Khác với con vật, lao động của con người là hoạt động có mục đích, có ý thức tác động vào thế giới tự nhiên nhằm cải biến những vật tự nhiên thành sản phẩm phục vụ cho đời sống con người. Theo C.Mác: “Lao động trước hết là một quá trình diễn ra giữa con người và tự nhiên, một quá trình trong đó bằng hoạt động của chính mình, con người làm trung gian, điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ và tự nhiên” [4]; [2].

Ph.Ăng-ghen viết: “Lao động là nguồn gốc cho mọi của cải. Lao động đúng là như vậy, khi đối đầu với giới tự nhiên là cung cấp những vật liệu cho lao động đem biến thành của cải. Nhưng lao động còn là một cái gì vô cùng lớn lao hơn thế nữa, lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: Lao động đã sáng tạo ra bản thân loài người” [2].

Như vậy có thể thấy lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người, trong quá trình lao động con người vận dụng sức lực tiềm tàng trong thân thể của mình, sử dụng công cụ lao động tác động vào đối tượng lao động nhằm biến đổi nó phù hợp với nhu cầu của mình. Nói cách khác, trong

bất kỳ nền sản xuất xã hội nào, lao động bao giờ cũng là điều kiện để tồn tại và phát triển của xã hội.

Vai trò của lao động trong quá trình sản xuất và tài sản xuất: Trong quá trình sản xuất, con người sử dụng công cụ lao động tác động lên đối tượng lao động nhằm tạo ra sản phẩm phục vụ cho lợi ích của con người. Lao động là điều kiện chủ yếu cho tồn tại của xã hội loài người, là cơ sở của sự tiến bộ về kinh tế, văn hoá và xã hội. Nó là nhân tố quyết định của bất cứ quá trình sản xuất và tái sản xuất nào. Như vậy, động lực của quá trình triển kinh tế, xã hội quy tụ lại là ở con người. Con người với lao động sáng tạo của họ đang là vấn đề trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Vì vậy, phải thực sự giải phóng sức sản xuất, khai thác có hiệu quả các tiềm năng thiên nhiên, trước hết giải phóng người lao động, phát triển kiến thức và những khả năng sáng tạo của con người. Vai trò của lao động đối với phát triển nền kinh tế đất nước nói chung và kinh tế nông thôn nói riêng là rất quan trọng [7].

b. Nguồn lao động

Nguồn lao động là khái niệm có ý nghĩa quan trọng làm cơ sở cho việc tính toán cân đối lao động, việc làm trong xã hội.

Nguồn lao động là bộ phận dân số trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật có khả năng lao động, có nguyện vọng tham gia lao động và những người ngoài độ tuổi lao động (trên độ tuổi lao động) đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân [3]

Nguồn lao động là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động. Theo quy định của nhà nước Việt Nam, nam có tuổi từ 16-60, nữ tuổi từ 16-55 được coi là độ tuổi lao động [8].

Nguồn lao động là lực lượng về con người và được nghiên cứu dưới nhiều khía cạnh, biểu hiện đó là số lượng và chất lượng.

Số lượng lao động là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động gồm: Dân số đủ 15 tuổi trở lên có việc làm và dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động nhưng đang thất nghiệp, đang đi học, đang làm công việc nội trợ trong gia đình, không có nhu cầu làm việc và những người thuộc tình trạng khác (bao gồm cả những người nghỉ hưu trước tuổi quy định). Chất lượng lao động: cơ bản đánh giá ở trình độ chuyên môn, tay nghề (trí lực) và sức khỏe (thể lực) của người lao động.

Vai trò của nguồn lao động đối với sự phát triển kinh tế - xã hội:
 Nguồn lao động là nguồn lực con người và là một trong những nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội được dựa trên nhiều nguồn lực: nhân lực (nguồn lực con người), vật lực (nguồn lực vật chất), tài lực (nguồn lực về tài chính)... song chỉ có nguồn lực con người mới tạo ra động lực cho sự phát triển, những nguồn lực khác muốn phát huy được tác dụng chỉ có thể thông qua nguồn lực con người. Ngay cả trong điều kiện đạt được tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại như hiện nay thì cũng không thể tách rời nguồn lực con người, bởi lẽ: Chính con người tạo ra máy móc thiết bị hiện đại, điều đó thể hiện mức độ hiểu biết và chế ngự tự nhiên của con người. Nếu xem xét nguồn lực là tổng thể những năng lực của con người tham gia vào quá trình sản xuất thì năng lực đó là nội lực của con người. Trong phạm vi xã hội, đó là những nguồn nội lực quan trọng cho sự phát triển. Đặc biệt, đối với nước ta có nền kinh tế đang phát triển, dân số đông, nguồn nhân lực dồi dào đã trở thành nguồn nội lực quan trọng nhất. Nếu biết khai thác tốt sẽ tạo nên một động lực to lớn cho sự phát triển. Định hướng của Đảng đã được nêu ra trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đến 2020 là: “Người lao động có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo bồi dưỡng và phát triển bởi một nền giáo dục tiên tiến gắn liền với một nền khoa học, công nghệ hiện đại”.

Phân loại nguồn lao động:

Trong nghiên cứu nguồn lao động, các thuật ngữ sau đây được sử dụng theo nghĩa tương tự: lực lượng lao động, dân số làm việc và "dân số hoạt động kinh tế". Thông thường, người ta phải chia dân số thành hai khối lớn: một khối là những người tích cực với các hoạt động kinh tế. Khuyến nghị của Liên hợp quốc đối với các cuộc điều tra dân số, hai bộ phận này được tách bạch như sau: dân số hoạt động kinh tế bao gồm tất cả những người không phân biệt giới, có thể cung cấp sức lao động cho các hoạt động sản xuất ra các hàng hoá kinh tế hoặc các hoạt động trong lĩnh vực hoạt động dân sự hoặc những người hoạt động trong lĩnh vực vũ trang; khi phân tích số liệu, nhóm người làm việc trong lĩnh vực vũ trang có thể tách riêng không tính vào "lực lượng lao động". Như thế, nguồn lao động bao gồm:

- Những người đang có việc làm: Là những người làm việc trong khoảng thời gian xác định trong cuộc điều tra, kể cả làm việc cho gia đình được trả công hoặc tạm thời nghỉ việc do ốm đau, tai nạn, tranh chấp lao động hoặc nghỉ lễ hoặc ngừng việc tạm thời do thời tiết xấu, trục trặc dây truyền sản xuất...

- Không có việc làm, thất nghiệp: Gồm những người trong khoảng thời gian xác định của cuộc điều tra không có việc làm. Nó cũng bao gồm cả những người trước đó không tìm được việc làm vì lý do ốm đau, tai nạn tạm thời mà họ không có thoả thuận sẽ bắt đầu công việc mới ngay sau khoảng thời gian xác định ở trên, hoặc họ tạm thời nghỉ hoặc nghỉ không có thời hạn mà không được trả công ở những nơi mà cơ hội kiếm việc làm rất hạn hẹp. Khối thất nghiệp cũng bao gồm những người không có việc làm, có khả năng lao động mặc dù họ không tích cực kiếm việc làm vì họ tin rằng không có cơ hội làm việc nào mở ra đối với họ [9].

1.1.1.2. Việc làm và giải quyết việc làm [7]

a. Khái niệm về việc làm